

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 01-02-2018.
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

2. Bà Mai Thị Huệ.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc –
Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 771/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 157, tổ 3, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 156, tổ 3, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị P có mặt, anh H xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**- Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 02 năm 2017 và trong quá trình xét xử,
nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 83/2013 ngày 01/10/2013.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H ham mê cờ bạc, gây nợ nần, không lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 7 năm 2015, anh H ra ngoài ở và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Năm 2015, chị đã nộp đơn xin ly hôn một lần nhưng anh quay về và hứa hẹn sẽ sửa đổi nên chị đã rút đơn khỏi kiện. Tuy nhiên, sau đó anh H vẫn không sửa đổi những thói hư tật xấu như trước đây, khiến cuộc sống vợ chồng nặng nề. Anh chị đã ly thân từ khoảng tháng 9 năm 2017 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải đoàn tụ nên xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Nguyễn Hoàng Nhã Ph, sinh ngày 24/4/2014, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp giấy khai sinh số 147/2014 ngày 24/05/2014. Hiện nay cháu Ph đang được chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/một tháng cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

Về điều kiện nuôi con, chị trình bày hiện nay chị đang ở cùng mẹ ruột và em trai, có nhà ở ổn định, chị làm công nhân có mức lương 7.000.000 đồng/tháng, đảm bảo điều kiện để nuôi con tốt. Hiện nay cháu Ph đang học tại trường mẫu giáo Suối Trầu, có chị và bà nội cháu đưa đón cháu đi học.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Trước đây anh H ham chơi gây nợ nần nhưng đã trả hết nợ. Nay chị xác định không có nợ chung.

Về án phí: Chị P chịu án phí về xin ly hôn và tự nguyện chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh H.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/12/2017, bản tự khai ngày 30/01/2018, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị P.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh làm nghề phụ hồ, có thu nhập không ổn định, vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh chị đã ly thân từ tháng 6 năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh vẫn qua lại chăm sóc con và bàn bạc đoàn tụ với chị P nhưng không thành.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 27/12/2017, anh trình bày anh vẫn còn yêu thương chị P, mong muốn vợ chồng hòa giải đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, trong bản tự khai ngày 30/01/2018 anh thay đổi ý kiến như sau: Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị P đã không còn, anh chị không còn quan tâm gì đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hòa giải đoàn tụ được nên anh đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị P.

Về con chung: Có 01 con chung, họ tên và ngày tháng năm sinh như chị P trình bày là đúng. Hiện nay cháu đang sống với chị P, được yêu thương và chăm

sóc nuôi dưỡng tốt. Anh đồng ý với yêu cầu của chị P, giao cháu Ph cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh đồng ý yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị P.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Anh H khai không có.

Vì không có thời gian đến Tòa án làm việc nên anh có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh trong các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên xét xử của Tòa án.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của đương sự được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh H là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Quá trình sống chung giữa anh H và chị P có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 7/2015 anh chị đã sống ly thân không có biện pháp bàn bạc đoàn tụ cho thấy mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Nên yêu cầu ly hôn của chị P là có căn cứ chấp nhận. Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Nhã Ph, sinh ngày 24/4/2014 hiện đang được chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị P có việc làm và thu nhập ổn định nên cần tiếp tục giao cháu Ph cho chị P nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự trình bày không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 83/2013 ngày 01/10/2013, trên cơ sở tự nguyện nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì

vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, giữa chị P và anh H phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014, do anh H ham chơi, không lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, dẫn đến anh chị thường xuyên cãi nhau, mặc dù năm 2015 chị P đã nộp đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ nhưng anh chị vẫn không thể đoàn tụ. Xét thấy, giữa chị P và anh H đã sống ly thân, không còn tình nghĩa vợ chồng, không thể hàn gắn đoàn tụ được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị P xin ly hôn, anh H đã có bản tự khai là đồng ý yêu cầu của chị P. Do đó, chị P yêu cầu được ly hôn với anh H là có căn cứ chấp nhận, cho ly hôn giữa chị P và anh H.

[3] Về con chung: Chị P và anh H đều xác định có 01 con chung tên là Nguyễn Hoàng Nhã Ph, sinh ngày 24/4/2014, hiện đang sống chung với chị P. Chị P có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/một tháng cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định và được anh H đồng ý. Căn cứ vào lời khai của đương sự và kết quả xác minh tại địa phương thì cháu Ph đang được chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, chị P có công việc làm và nhà ở ổn định, đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Ph, chấp nhận yêu cầu của các bên đương sự, giao cháu Ph cho chị P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/một tháng cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Chị P, anh H khai không có nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị P, anh H khai không có và theo kết quả xác minh tại địa phương thì trong thời kỳ hôn nhân giữa chị P và anh H không có ai tranh chấp với anh chị về nghĩa vụ tài sản nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình đối với yêu cầu xin ly hôn và chị P tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P về việc “Tranh chấp ly hôn” đối với anh Nguyễn Văn H, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Nhã Ph, sinh ngày 24/4/2014 cho chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/một tháng đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh H được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày chị P có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh H chưa thanh toán số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả (đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con) tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình đối với yêu cầu ly hôn và chị P tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 005039 ngày 31/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, chị P còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. Long Thành;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thanh Hoa